

Số: 02/2024/QĐPT-DS

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản quyền sử dụng tài sản,
phân chia tài sản chung để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tinh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:
Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 374/2024/TLPT-DS ngày 07/8/2024 về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2024/QĐST-VDS ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 362/2024/QĐPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Trương Thị Ánh H, sinh năm 1971; địa chỉ: số E, Quốc lộ A, tổ F, khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Thanh T, sinh năm 1973; địa chỉ: thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định; địa chỉ liên hệ: số B, N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 17/5/2024).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1966;

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: số D, Quốc lộ A, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Đ, bà T1: Ông Dương Quốc H1, sinh năm 2000; địa chỉ: tổ A, khóm L, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số D, đường T, khu phố N, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (giấy ủy quyền ngày 17/8/2024).

- Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, quá trình tham gia tố tụng, người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày:

Bà Trương Thị Ánh H là bị hại trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tấn B ngày 30/11/2021 tại Cáo trạng số 56/CT-VKSBD-P1. Theo Bản án hình sự số 794/2022/HS-PT ngày 21/10/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử buộc bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Ánh H số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và tiền lãi do chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà T1 không tự nguyện thi hành án nên bà H có làm đơn yêu cầu thi hành án tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương thi hành án đối với bản án hình sự trên.

Trong quá trình giải quyết việc thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương có kết quả xác minh bà Nguyễn Thị T1 có khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Hữu Đ là quyền sử dụng đất diện tích 157,1m² thuộc thửa số 4011, tờ bản đồ số 2BA.4, tọa lạc tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ngày 09/4/2024, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương ra Thông báo số 641/TB-THADS về việc yêu cầu khởi kiện xác định quyền sở hữu của bà T1 trong khối tài sản chung trong thời hạn 30 ngày. Tuy nhiên, cho đến nay bà T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tiến hành khởi kiện xác định phần sở hữu của mình đối với quyền sử dụng đất theo thông báo của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Nay, bà H yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của bà T1 trong khối tài sản chung của ông Đ là quyền sử dụng đất diện tích 157,1m² thửa số 4011 nêu trên, để Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương tiến hành kê biên thi hành án cho bà H theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản gắn liền với đất và các tài sản khác thì bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Hữu Đ trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên họp như sau:

Bà T1 và ông Đ là vợ chồng, kết hôn năm 1990. Quyền sử dụng đất diện tích 157,1m² thửa số 4011 nêu trên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AD 230317 là tài sản chung của vợ chồng bà T1, ông

Đ. Vợ chồng bà T1, ông Đ đã nhận chuyển nhượng đất của bà Trương Thị T2 vào năm 2007. Sau khi mua đất, bà T1, ông Đ đã xây dựng nhà, sinh sống ổn định cho đến nay. Ngoài bà T1, ông Đ thì không có ai có công sức đóng góp tạo lập quyền sử dụng đất nêu trên.

Bản án hình sự phúc thẩm số 794/2022/HS-PT ngày 21/10/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Trương Thị Ánh H số tiền 800.000.000 đồng. Số tiền 800.000.000 đồng là trách nhiệm riêng của bà T1 đối với bà H, không liên quan đến ông Đ. Đối với yêu cầu của bà H về việc xác định phần sở hữu của bà T1 trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 157,1m², thì bà T1, ông Đ không đồng ý vì đó là khối tài sản chung thống nhất của vợ chồng đang sinh sống. Bà T1, ông Đ không đồng ý tách phần sở hữu tài sản riêng của từng người, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2024/QĐST-VDS ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, các Điều 366, 367, 370, 371 và 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 29, 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 74, 75 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trương Thị Ánh H về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản, phân chia tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung.

Xác định quyền sử dụng đất diện tích 157,1m² thuộc thửa số 4011, tờ bản đồ số 2BA.4, tại khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 230317 (số vào sổ 06825) do UBND huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/6/2009 cho bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Hữu Đ là tài sản thuộc sở hữu chung của bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Hữu Đ. Trong đó phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị T1 được xác định bằng 1/2 quyền sử dụng đất nêu trên.

Tài sản gắn liền với đất và các tài sản khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Trương Thị Ánh H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004916 ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, quyết định sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, kháng nghị của các đương sự, Viện Kiểm sát.

Sau khi có quyết định sơ thẩm, ngày 17/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Thu đ** có đơn kháng cáo toàn bộ quyết định sơ thẩm.

Tại phiên họp phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Thu g** nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Bà **H** yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của bà **Nguyễn Thị T1** trong khối tài sản chung với ông **Nguyễn Hữu Đ** là quyền sử dụng đất tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương thuộc thửa 4011, tờ bản đồ số 2BA4. Ông **Đ** và bà **T1** cũng thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng không đồng ý tách riêng phần quyền sở hữu của bà **T1** (bút lục số 44). Như vậy, giữa các đương sự không có sự thống nhất về yêu cầu, hay nói cách khác là giữa các đương sự có sự tranh chấp về việc xác định quyền sở hữu tài sản của bà **Nguyễn Thị T1** trong khối tài sản chung với ông **Nguyễn Hữu Đ**. Theo quy định tại Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Việc dân sự là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân không có tranh chấp, nhưng có yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý,...*”, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết yêu cầu của bà **H** theo thủ tục giải quyết việc dân sự là không phù hợp Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu của bà **H** theo thủ tục giải quyết việc dân sự là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, kháng cáo của bà **T1** có cơ sở một phần nên đề nghị Hội đồng phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà **T1**. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị hủy quyết định sơ thẩm số 05/2024/QĐST-VDS ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, đình chỉ giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ Bản án hình sự phúc thẩm số 794/2022/HS-PT ngày 21/10/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 340/QĐ-CCTHADS ngày 23/12/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương, Thông báo số 641/TB-THADS ngày 09/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương; bà **Nguyễn Thị T1** không thực hiện Thông báo số 641/TB-THADS nêu trên; đất tranh chấp phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên bà **Trương Thị Ánh H** yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà **Nguyễn Thị T1** trong khối tài sản chung nêu trên với ông **Nguyễn Hữu Đ** để thi hành án. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014), khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thụ lý giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Bà **T1** là người phải thi hành án theo Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Bản án hình sự phúc thẩm số 794/2022/HS-PT ngày 21/10/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 340/QĐ-CCTHADS ngày 23/12/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương, theo đó bà **T1** có nghĩa vụ phải trả lại cho bà **H** số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Bà **Nguyễn Thị T1**, ông **Nguyễn Hữu Đ** đăng ký kết hôn ngày 06/01/1990 tại UBND phường **B**, huyện **T**, thành phố **S** (nay là thành phố **D**, tỉnh Bình Dương).

Tài sản bị yêu cầu thi hành án là quyền sử dụng đất diện tích 157,1m² thuộc thửa số 4011, tờ bản đồ số 2BA.4, tọa lạc tại phường **B**, thành phố **D**, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số AD 230317 do UBND huyện (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho ông **Nguyễn Hữu Đ**, bà **Nguyễn Thị T1**. Đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà **Trương Thị T2** ngày 28/12/2007. Ông **Đ**, bà **T1** xác định quyền sử dụng đất trên là tài sản chung của vợ chồng ông bà, không có ai đóng góp công sức tạo lập lên khối tài sản trên. Vợ chồng bà **T1**, ông **Đ** không đồng ý tách phần sở hữu tài sản riêng của từng người vì đó là khối tài sản chung thông nhất của vợ chồng đang sử dụng. Như vậy, quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà **Nguyễn Thị T1**, ông **Nguyễn Hữu Đ** theo quy định tại Điều 29, 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà **H** xác định chỉ yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bà **T1** theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, mà không phải phân chia tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà **T1** có 1/2 quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất nêu trên là có căn cứ.

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản gắn liền với đất và các tài sản khác nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết.

Đối với trình bày của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **H1** về việc không đo đạc, xem xét thẩm định, không giải quyết tài sản trên đất, không xác định vị trí được phân chia. Xét, căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, Tòa án chỉ xác định phần quyền sở hữu của bà **T1** trong khối tài sản chung (quyền sử dụng đất) của vợ chồng bà **T1**, ông **Đ** theo yêu cầu của bà **H**, không phân chia tài sản chung của họ nên Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành các thủ tục trên là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **T1** là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là không có căn cứ.

Về lệ phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 149, 361, điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị T1**.

Giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2024/QĐST-VDS ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Về lệ phí phúc thẩm:

Bà **Nguyễn Thị T1** phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0001223 ngày 17/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- CCTHADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN
SỰ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Duyên Hằng